

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 05- 02 - 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Vàng Huy Lập  
+ Ông Nguyễn Minh Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 2 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 1 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với:

**Bị cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Minh Đ**, tên gọi khác: không. Giới tính ( Nam)- Sinh ngày 02/02/1992 tại Bình Thuận. Đăng ký HKTT: Thôn A – xã Đ – huyện L – tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở: Thôn A – xã Đ – huyện L – tỉnh Bình Thuận - Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn 03/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Trần Đình Th ( đã chết). Con bà: Võ Thị T, sinh năm 1957, trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện L – tỉnh Bình Thuận. Gia đình có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất là bị cáo.

- Tiền sự: không

- Tiền án:

Ngày 02/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản theo Bản án số 08/2011/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức, Cục C10, đến ngày 04/02/2012 chấp hành xong. Bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 21/9/2011

Ngày 30/10/2012, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 01/2012/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Sông Cái, Cục C10, đến ngày 03/4/2014 chấp hành xong. Bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 03/12/2019

Ngày 17/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 08/2015/HSST. Bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 04/01/2017.

Ngày 29/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án số 08/2015/HSST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 năm 6 tháng tù. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức, Cục C10, đến ngày 10/5/2019 chấp hành xong. Bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 04/01/2017.

- Nhân thân: Ngày 28/01/2008, bị UBND huyện L, tỉnh Bình Thuận áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng do có hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 141/QĐ-UBND. Đến ngày 30/01/2010, bị cáo chấp hành xong ra trường.

- Bị cáo bị bắt ngày 01/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đoàn Văn P**, tên gọi khác: không. Sinh ngày 01/8/1997 tại Bình Thuận. Đăng ký HKTT: Thôn B – xã Đ – huyện L, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở: Thôn B – xã Đ – huyện L, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Đoàn Văn D (đã chết). Con bà Lương Thị B, sinh năm 1975, trú tại: Thôn B – xã Đ – huyện L, tỉnh Bình Thuận. Gia đình có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 01/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt.

***Người bị hại:***

1/ Anh Phạm Quang T, sinh ngày 06/3/2004, HKTT: Đường K, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người giám hộ cho anh T có cha anh T là ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1971. Đường K, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2/ Anh Nguyễn Trí B, sinh năm 1992, HKTT: Đường Đ, Phường A, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3/ Chị Bùi Thị T1 – SN: 1993 – HKTT: Xã T – huyện L – tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Thiên H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985. Địa chỉ: đường P, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4/ Anh Cao Văn N1, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh Đ có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền án về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích, do cần tiền tiêu xài Đ chuẩn bị một bộ dụng cụ phá khóa xe máy rồi rủ Đoàn Văn P đón xe khách đi từ Bình Thuận lên thành phố Đ trộm cắp xe máy. Khoảng 23 giờ ngày 30/7/2020, khi lên đến Đ, Đ và P đi bộ trên các đường phố tìm xe máy sở hữu để trộm cắp và thực hiện các lần trộm cắp T sản cụ thể như sau:

**Lần 1:** Khoảng 01 giờ ngày 31/7/2020, Đ và P đi bộ ngang qua nhà số 16 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Đ thấy có 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 36B5 – 829.55 đang dựng trong sân nhà không có người trông coi. P đứng canh người còn Đ dùng kèm còng lực cắt ổ khóa cổng rồi cùng với P vào trong sân nhà, thấy xe còn cắm chìa khóa nên Đ dắt xe ra ngoài, nổ máy điều khiển xe chở P tiếp tục đi tìm xe máy để trộm cắp.

**Bị hại là:** anh Phạm Quang T, sinh năm 2004, HKTT: đường K, Phường H, thành phố Đ, bị mất 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 36B5 – 829.55. Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy này có trị giá là 13.650.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên, anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 10.000.000đ.

**Lần 2:** Khoảng 4 giờ cùng ngày, Đ điều khiển chiếc xe trộm cắp được ở lần 1 chở P đi ngang nhà tại đường S, Phường I, thành phố Đ thấy 01 xe máy hiệu Vision, biển số 49B1 – 691.28 và 01 xe máy hiệu Wave, biển số 50Y1 – 392.84 để cạnh nhau ở lề đường, không có ai trông coi. Đ dùng xe ở đối diện đường rồi cùng với P đi bộ đến vị trí 02 chiếc xe, kiểm tra thấy cả 02 xe đều khóa cổ, Đ và P cầm hai bên tay lái của chiếc xe Wave, biển số 50Y1 – 392.84 vận mạnh làm gãy cổ xe rồi đem cất giấu chiếc xe này trong bãi đất trống bên đường trên đèo Mimosa.

**Bị hại là:** anh Nguyễn Trí B, sinh năm 1992, HKTT: Đường Đ, Phường A, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh, bị mất 01 xe máy hiệu Wave, biển số 50Y1 – 392.84. Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy này có trị giá là 14.400.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho anh B, anh B không yêu cầu gì thêm.

**Lần 3:** Sau khi đã cất giấu chiếc xe hiệu Honda Wave, Đ chở P quay lại vị trí chiếc xe hiệu Vision còn lại tại nhà tại đường S – Phường I – thành phố Đ. Với thủ đoạn như lần 2, Đ và P bẻ gãy cổ xe rồi đem chiếc xe này đến cất giấu tại đèo Mimosa, gần vị trí giấu chiếc xe Wave trộm cắp được ở lần 2. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius trộm cắp được ở lần 1 chở P chạy về vòng xoay Tam Hiệp, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gửi chiếc xe này cho

Hoàng Trọng Đ rời Đ và P đón xe khách quay lại Đ để lấy 02 chiếc xe cút giầu ở đèo Mimosa. Khoảng 23h00 ngày 31/7/2020, khi Đ điều khiển chiếc xe hiệu Vision còn P điều khiển chiếc xe hiệu Wave đi về hướng thành phố B để tiêu thụ thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ phát hiện mời về làm việc. Đ và P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên .

**Bị hại là bà:** chị Bùi Thị T1 – SN: 1993 – HKTT: Xã T – huyện L – tỉnh Hải Dương, bị mất 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 49B1 – 691.28. Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự Đ xác định chiếc xe máy này có giá trị là 32.400.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chị T1, chị T1 không yêu cầu gì thêm.

**Tang vật thu giữ:**

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số: 50Y1 – 392.84, số máy: JA39E0843303, số khung: 3909HY863107;
- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 49B1 – 691.28, số máy: JF66E0449509, số khung: 5811GY501911;
- 01 tước nơ vít màu xám, đỏ, trắng;
- 01 kìm cắt màu xanh;
- 01 văm mở khóa bằng kim loại màu xám trắng dài 08cm, một đầu mài đẹp;
- 01 thanh chữ L, dài 13cm, hình trụ tròn;
- 01 kìm cộng lực màu vàng đen;
- 01 thanh chữ L, màu xám, dài 08 cm;
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, loại carm ứng, số IMEI1: 353171111032522/30, số IMEI 2: 353171111032530/30;
- 01 điện thoại di động hiệu VIVO NEX, màu xanh, loại cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;
- 01 chìa khóa có chữ HONDA, màu đen (BL: 61-62)

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; các bị cáo phạm tội hai lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

**Tại phiên tòa,**

Bị cáo Trần Minh Đ và bị cáo Đoàn Văn P không khiêu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị về hình phạt:

Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c,b,g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đoàn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh Đ từ 6 năm đến 7 năm tù. Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn P từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

**Về trách nhiệm dân sự:** Buộc 2 bị cáo liên đới bồi thường cho anh T số tiền 10.000.000đ. Anh Nguyễn Trí B và chị Bùi Thị T1 đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét.

**Về xử lý vật chứng:** Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít màu xám, đỏ, trắng. 01 kim cắt màu xanh; 01 văm mở khóa bằng kim loại màu xám trắng dài 08cm, một đầu mài đẹp; 01 thanh chữ L, dài 13cm, hình trụ tròn; 01 kim cộng lực màu vàng đen; 01 thanh chữ L, màu xám, dài 08 cm; 01 chìa khóa có chữ Honda, màu đen. Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước 2 điện thoại di động hiệu NOKIA và hiệu VIVO NEX

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Minh Đ là người đã trưởng thành, đã từng 3 lần bị Tòa án xử phạt về tội “ Trộm cắp tài sản” và 1 lần bị tòa án xử phạt về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Bản thân bị cáo từng bị đưa vào trường giáo dưỡng, bị cáo có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lén lút trộm cắp để chiếm đoạt 03 xe máy trong khoảng thời gian ngắn vào rạng sáng ngày 31/7/2020 nhằm bán lấy tiền tiêu xài là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý rủ rên bị cáo Đoàn Văn P cùng thực hiện.

[3] Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các T liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[4] Xét tính chất của hành vi phạm tội mà các bị cáo là liều lĩnh xem thường pháp luật. Để có tiền tiêu xài các bị cáo bất chấp pháp luật dùng thủ đoạn lén lút việc bị phát hiện và bị bắt là ngoài ý muốn của bị cáo vì vậy phải có một mức án nghiêm, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện rèn luyện, tu dưỡng nhằm trở thành con người có ích cho bản thân, gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên khi xem xét lượng hình thì bị cáo Đ phải có mức án cao hơn bị cáo P vì là người chủ động rủ rên, chuẩn bị

bộ dụng cụ phá khóa xe máy. Bị cáo Đ phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, trộm cắp mang tính chuyên nghiệp còn bị cáo P cũng tham gia tích cực trong việc trộm cắp.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Phạm Quang T theo xác định của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ trị giá là 13.650.000đ. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Trí B theo xác định của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ trị giá là 14.400.000đ. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Bùi Thị T1 theo xác định của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ trị giá là 32.400.000đ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được của các bị hại là 60.450.000đ. Bị cáo Đ phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo không có nghề nghiệp mà chủ yếu trộm cắp tài sản của người khác làm nguồn sống, trong nhiều năm liên tục phạm tội trộm cắp và trong một thời gian ngắn bị cáo đã trộm cắp liên tiếp 3 xe máy nên có tính chất chuyên nghiệp, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Đ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 là có cơ sở, đúng pháp luật. Đối với bị cáo P tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết quả thẩm định giá là 60.450.000đ nên bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo P điểm c khoản 2 Điều 173 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Các bị cáo phạm tội 2 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Quang T bị các bị cáo chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 36B5 – 829.55. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên, anh T yêu cầu các bị can bồi thường số tiền là 10.000.000đ. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở nên buộc 2 bị cáo liên đới bồi thường cho anh T số tiền 10.000.000đ.

Bị hại anh Nguyễn Trí B và chị Bùi Thị T1 đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 tuốc nơ vít màu xám, đỏ, trắng. 01 kìm cắt màu xanh; 01 văm mở khóa bằng kim loại màu xám trắng dài 08cm, một đầu mài đẹp; 01 thanh chữ L, dài 13cm, hình trụ tròn; 01 kìm cộng lực màu vàng đen; 01 thanh chữ L, màu xám, dài 08 cm; 01 chìa khóa có chữ HONDA, màu đen. Không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, loại cảm ứng, số IMEI1: 353171111032522/30, số IMEI 2: 353171111032530/30; 01 điện thoại di động hiệu VIVO NEX, màu xanh, loại cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong là tài sản của hai bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo dùng điện

thoại này để làm phương tiện liên lạc trong quá trình trộm cắp nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quá trình điều tra, Trần Minh Đ khai nhận có gửi chiếc xe máy biển số 36B5 – 829.55 cho Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1978, HKTT: Khu phố C – phường B – thành phố B – Đồng Nai. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, tuy nhiên Đ không có mặt tại địa phương từ tháng 08/2020, không rõ đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Trần Minh Đ, Đoàn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần Minh Đ 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Đoàn Văn P 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 587 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Minh Đ và bị cáo Đoàn Văn P liên đới bồi thường cho anh Phạm Quang T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Phần của mỗi bị cáo bồi thường cho anh T là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít màu xám, đỏ, trắng. 01 kim cắt màu xanh; 01 văm mở khóa bằng kim loại màu xám trắng dài 08cm, một đầu mài đẹp; 01 thanh chữ L, dài 13cm, hình trụ tròn; 01 kim cộng lực màu vàng đen; 01 thanh chữ L, màu xám, dài 08 cm; 01 chìa khóa có chữ HONDA màu đen.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, loại cảm ứng, số IMEI1:353171111032522/30, số IMEI 2: 353171111032530/30 và 01 điện thoại di động hiệu VIVO NEX, màu xanh, loại cảm ứng đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/1/2021 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).*

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký tên và đóng dấu*

**Nguyễn Thị Diệu Nga**







